

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG HOÀ  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2024

V/v: "Yêu cầu ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HOÀ**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Thanh Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Văn Phúc và bà Hoàng Thị Gấm.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hoà tham gia phiên tòa:* bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về: "Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 1014/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** **Lưu Thị T** - sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** **Chu Hữu T1** - sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm X, xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

[1] Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Chu Hữu T1 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q vào ngày 16/01/2006. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên say rượu và đánh đập tôi, không cho 02 con ăn uống. Năm 2013 tôi đã báo chính quyền xã hoà giải 02 lần nhưng anh T1 không đến. Do không chịu được nên tôi đã bỏ nhà đem theo con Lưu Thị P đi vào M vào ngày 09/9/2014 và ly thân từ lúc đó đến nay. Sau khi vào M được mấy năm thì được

tin con Chu Quang T2 bị anh T1 đánh đập nên tôi đã về đón con, cả 03 mẹ con sống với nhau ở Bình Phước. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn anh Chu Hữu T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Chu Quang T2 - sinh ngày 02/01/2007 và Lưu Thị P – sinh ngày 25/10/2012. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đối với bị đơn Chu Hữu T1: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng, nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh, không đến tham gia tố tụng. Căn cứ đơn yêu cầu của chị T, Tòa án đã xác minh đối với ông Nông Ngọc H là Bí thư Chi bộ xóm X, xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng cho biết vợ chồng T, Tổ xảy mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên đánh đập chị T, cho nên chị T đã mang con bỏ nhà đi từ rất lâu, bố anh T1 đã chết, mẹ là Nông Thị T3 già yếu nằm một chỗ, không nói được. Ngoài ra, theo kết quả xác minh đối với ông Hoàng Văn M, phó Chủ tịch UBND xã P cho biết anh T1 thường xuyên say rượu, đánh đập, dọa nạt nên chị T đã mang con bỏ nhà đi đã lâu. Kết quả mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của nguyên đơn Lưu Thị T.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn không hợp tác, cho nên nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa ngày 06/9/2024 bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa.

[4] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Chu Hữu T1, còn bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ hai, điều đó thể hiện anh T1 cố tình lẩn tránh, đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T, vì vậy Tòa án sẽ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các Điều 28, 35, 68, 70-72, 93-98, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy anh Chu Hữu T1 thường xuyên say rượu, dọa nạt, đánh đập chị T, là nguyên nhân gây ra mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình giải quyết án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng bị đơn không chịu hợp tác, điều đó thể hiện anh T1 cố tình tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong việc giải quyết yêu cầu ly hôn của chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Chu Hữu T1 và chị Lưu Thị T đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nguyện vọng cháu T2, cháu P được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn phù hợp với yêu cầu được nuôi hai con của chị T, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 228, 238 của Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án giải quyết: Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Q, tỉnh Cao Bằng; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lưu Thị T kết hôn với anh Chu Hữu T1 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q vào ngày 16/01/2006. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên say rượu, dọa nạt và đánh đập chị T, cho nên năm 2014 chị T đã mang hai con vào Bình Phước sinh sống và ly thân đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn Chu Hữu T1 cố tình lẩn tránh, không hợp tác tham gia tố tụng, làm cho phiên tòa phải hoãn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên đã ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau, đồng thời đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh không chịu hợp tác để giải quyết vụ án, điều đó cho thấy anh T1 cố tình từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Lưu Thị T là có căn cứ cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Cháu Chu Quang T2 - sinh ngày 02/01/2007 và cháu Lưu Thị P – sinh ngày 25/10/2012 đã sinh sống cùng với chị T từ nhỏ, cả hai cháu đều có nguyện vọng theo mẹ, cho nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Thị T. Chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Chu Hữu T1. Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q (nay là huyện Q) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Giao cháu Chu Quang T2 - sinh ngày 02/01/2007 và cháu Lưu Thị P – sinh ngày 25/10/2012 cho chị Lưu Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh Chu Hữu T1 cấp dưỡng. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** chị Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0002379 ngày 28 tháng 6 năm 2024. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Chi Cục THA DS huyện QH;
- UBND xã Phi Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nông Thanh Điệp**